TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 3 - 2026
V/v hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị T.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Thể - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hưng Yên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 238/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐ – HPT ngày 18 tháng 3 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị T** sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Số CCCD: 034194xxxxx

- Bị đơn: Anh **Phạm Tùng L**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn P, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Số CCCD: 034095xxxxxx

(Chị T có mặt và anh L vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Tùng L được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là xã N) ngày 24/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống không chung mục đích sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2025 đến nay. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Tùng L.

- Về con chung: Chị và anh Phạm Tùng L có 02 con chung là Phạm Phúc H, sinh ngày 04/8/2017 và Phạm Ngọc K, sinh ngày 28/10/2019. Ly hôn, chị đồng ý giao cho anh Phạm Tùng L trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Phúc H và chị nuôi trực tiếp con Phạm Ngọc K. Về mức cấp dưỡng: Chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị và anh L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai ngày 15/12/2025 bị đơn anh Phạm Tùng L trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Dương Thị T tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thái Thịnh (Nay là xã Nam Thái Ninh) ngày 24/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống không chung mục đích sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2025 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh Phạm Tùng L có 02 con chung là Phạm Phúc H, sinh ngày 04/8/2017 và Phạm Ngọc K, sinh ngày 28/10/2019. Ly hôn, anh đồng ý với chị T, anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Phúc H và giao cho chị T nuôi trực tiếp con Phạm Ngọc K. Về mức cấp dưỡng: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại 02 đơn đề nghị ngày 06/3/2026, cháu Phạm Ngọc K trình bày không biết muốn ở cùng bố hay mẹ, cháu Phạm Phúc Hưng có nguyện vọng được ở cùng bố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi thường trú tại xã N, tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thay đổi nơi thường trú vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Phạm Tùng L được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ 02 không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 29/12/1995 tại UBND xã T, huyện A, tỉnh Thái Bình (nay là xã N, tỉnh Hưng Yên) là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài. Các bên không có biện pháp tích cực nhằm khắc phục,

hàn gắn quan hệ vợ chồng. Anh chị đều thừa nhận đã sống ly thân đến nay là 08 năm. Chị T xin ly hôn, anh L, anh L đồng ý ly hôn. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị T được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T và anh L xác định có hai con chung là Phạm Phúc H, sinh ngày 04/8/2017 và Phạm Ngọc K, sinh ngày 28/10/2019. Ly hôn, anh L và chị T đều có nguyện vọng giao cho anh L nuôi dưỡng Phạm Phúc H, giao cho chị T nuôi dưỡng Phạm Ngọc K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy nguyện vọng của anh chị là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị T ly hôn anh Phạm Tùng L.

2. Về con chung: Giao cho anh L nuôi dưỡng Phạm Phúc H, sinh ngày 04/8/2017, giao cho chị T nuôi dưỡng Phạm Ngọc K, sinh ngày 28/10/2019, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003792 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và anh L vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Các đương sự
- VKSND khu vực 7 – Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
-UBND xã N (Nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vương